

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 6 năm 2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Ngọc và ông Nguyễn Xuân
Thỏa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Tòa án nhân
dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông
Hoàng Văn La, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo,
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý
số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn
nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-
HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: TDP B, thị
trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: TDP B, thị trấn
H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trần Thị
H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày
17/8/2008 và đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn H), huyện T, tỉnh
Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị cùng anh T về chung sống
với gia đình anh T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận,
thương yêu nhau. Đến ngày 20/9/2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng
quan điểm sống và không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng
không còn hạnh phúc. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến gia đình, hay
chơi bời, không chịu khó làm ăn nên năm 2024 chị đã làm đơn xin ly hôn gửi tới
Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo. Tuy nhiên, anh T hứa sẽ sửa đổi, không chơi
bời nữa và tu chí làm ăn nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy

nhien, đến đầu năm 2025, anh T vẫn không thay đổi và tiếp tục chơi bời. Vì vậy, chị và anh T mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng đã ly thân nhau. Vợ chồng mâu thuẫn 02 bên gia đình có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Hoàng Văn H1, sinh ngày 28/12/2009; cháu Hoàng Duy M, sinh ngày 28/3/2013; cháu Hoàng Nhật T1, sinh ngày 26/7/2016 và cháu Hoàng Thúy H2, sinh ngày 04/4/2020. Hiện nay, các cháu đang sống cùng anh chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện đang đi chạy chợ buôn bán rau, củ, quả và thu nhập ổn định hàng tháng được từ 10 -15 triệu nên đủ nuôi dưỡng các con.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Văn T được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không lý do và không đưa ra quan điểm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Hoàng Văn T. Giao cháu Hoàng Văn H1, sinh ngày 28/12/2009; cháu Hoàng Duy M, sinh ngày 28/03/2013; cháu Hoàng Nhật T1, sinh ngày 26/7/2016 và cháu Hoàng Thúy H2, sinh ngày 04/4/2020 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn T. Anh T đăng ký thường trú và nơi cư trú tại TDP B, thị trấn H, huyện T nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày 17/8/2008 và đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn H), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn dẫn tới năm 2024 chị H đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện. Đến đầu năm 2025 vợ chồng mâu thuẫn chị H tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T biết về việc Tòa án thụ lý, giải quyết việc đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung

giữa chị H và anh T nhưng anh T không quan tâm và bỏ mặc để chị H tự giải quyết. Thể hiện anh T cũng không còn quan tâm gì đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình và tình trạng mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H và cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có 04 con chung là cháu Hoàng Văn H1, sinh ngày 28/12/2009; cháu Hoàng Duy M, sinh ngày 28/3/2013; cháu Hoàng Nhật T1, sinh ngày 26/7/2016 và cháu Hoàng Thúy H2, sinh ngày 04/4/2020. Hiện nay các cháu vẫn đang sống cùng anh chị. Ly hôn, chị H đề nghị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu H1, M, T1 đều có nguyện vọng được ở với chị H. Cháu H2 còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Anh T không đưa ra quan điểm trong khi chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả 04 con chung. Chị H đang đi chợ buôn bán rau, củ, quả và có thu nhập ổn định hàng tháng được từ 10 - 15 triệu đồng nên cũng đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao 04 con chung cho chị H được nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh T. Vì vậy, về tài sản, công nợ, công sức Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Hoàng Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Văn H1, sinh ngày 28/12/2009; cháu Hoàng Duy M, sinh ngày 28/03/2013; cháu Hoàng Nhật T1, sinh ngày 26/7/2016 và cháu Hoàng Thúy H2, sinh ngày 04/4/2020. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0001196 ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND thị trấn Hợp Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mâu Văn Mùi